

QUY ĐỊNH

Phương thức, điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phương thức, điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân).
- Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo có trụ sở chính trên địa bàn thành phố (sau đây gọi là doanh nghiệp).
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ không hoàn lại cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cá nhân bao gồm cá nhân, nhóm cá nhân thực hiện hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.
- Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo là dự án trong giai đoạn hoàn thiện ý tưởng thông qua các hoạt động nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ, giải pháp, kiểm chứng ý tưởng, nghiên cứu thị trường và lập kế hoạch khả thi phát triển sản phẩm, dịch vụ, giải pháp.
- Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn ươm tạo là dự án trong giai đoạn phát triển sản phẩm, dịch vụ, giải pháp, hoàn thiện mô hình

kinh doanh và chiến lược phát triển thông qua các hoạt động: Tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.

4. Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tăng tốc là dự án trong giai đoạn đã có sản phẩm, dịch vụ, giải pháp, khách hàng và đang có nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm nhà đầu tư thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là các quỹ đầu tư mạo hiểm, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.

5. Tổ chức trung gian là Trung tâm đổi mới sáng tạo các cấp hoặc Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo các cấp.

Điều 4. Phương thức hỗ trợ

1. Phương thức hỗ trợ trước: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo; Hỗ trợ thông qua tổ chức trung gian trước khi thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở thuyết minh nhiệm vụ sẽ thực hiện.

2. Phương thức hỗ trợ sau: Áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo; Hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ trên cơ sở xem xét kết quả đã thực hiện và các hồ sơ chứng từ có liên quan.

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ

1. Đối với tổ chức, cá nhân

a) Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giai đoạn đề xuất hỗ trợ của dự án.

b) Có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo triển khai trên địa bàn thành phố.

c) Tổ chức trung gian phải có tư cách pháp nhân, được công nhận theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo, hoạt động trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Đối với doanh nghiệp

a) Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho nội dung đề nghị hỗ trợ.

b) Các nội dung đề nghị hưởng chính sách chỉ áp dụng sau ngày doanh nghiệp có trụ sở chính trên địa bàn thành phố và chỉ áp dụng đối với trụ sở chính và trụ sở các chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

c) Sản phẩm, kết quả đề nghị hỗ trợ có sau ngày Nghị quyết có hiệu lực; có hồ sơ, tài liệu minh chứng hợp lệ liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ.

d) Được công nhận là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo bởi cơ quan có thẩm quyền.

4. Trường hợp doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ thì tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được chọn chính sách có mức hỗ trợ cao nhất, thuận lợi nhất cho mình.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí hỗ trợ được bảo đảm từ nguồn ngân sách thành phố.

2. Kinh phí chi cho Tổ thẩm định, Hội đồng tư vấn, đánh giá được ngân sách thành phố bảo đảm. Nội dung chi và mức chi được thực hiện theo quy định hiện hành đối với Tổ thẩm định và Hội đồng tư vấn nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 7. Nội dung, mức hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau

1. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, trung tâm thử nghiệm kiểm định, giám định, khu làm việc chung

a) Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, trung tâm thử nghiệm kiểm định, giám định, khu làm việc chung nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, trung tâm thử nghiệm kiểm định, giám định, khu làm việc chung nhưng không quá 10 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.

2. Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế nhưng không quá 35 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

3. Hỗ trợ khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Hỗ trợ 50 triệu đồng đối với 01 văn bằng bảo hộ sáng chế hoặc giải pháp hữu ích/giống cây trồng mới trong nước.

b) Hỗ trợ 20 triệu đồng đối với 01 văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu trong nước; Hỗ trợ tối đa không quá 05 văn bằng bảo hộ nhãn hiệu hoặc kiểu dáng trong nước/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 60 triệu đồng đối với 01 văn bằng bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu nước ngoài.

d) Hỗ trợ 100 triệu đồng đối với 01 văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, giống cây trồng mới ở nước ngoài.

4. Hỗ trợ triển khai các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng

a) Hỗ trợ tối đa 100% chi phí xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ tối đa 100% chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường nhưng không quá 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ tối đa 100% chi phí tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc nhưng không quá 60 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ tối đa 100% chi phí xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam/quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

5. Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng hoặc chi phí thực hiện dự án nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với các hoạt động bao gồm: thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, công nghệ, mô hình mới.

6. Hỗ trợ tối đa 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn hoặc hợp đồng giải mã hoặc hợp đồng chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 300 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

7. Hỗ trợ chi phí đào tạo, huấn luyện chuyên sâu

a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên là nhân viên, cán bộ của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 05 học viên/doanh nghiệp/năm.

b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 100 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.

8. Hỗ trợ khai thác thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo

a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 200 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử.

d) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài.

đ) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 60 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.

9. Doanh nghiệp có thể đề xuất hỗ trợ cùng một lúc nhiều nội dung. Tổng mức hỗ trợ theo quy định tại Điều này không quá 1.500 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

Điều 8. Nội dung, mức hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân thông qua tổ chức trung gian theo phương thức hỗ trợ trước

1. Hỗ trợ chi phí ươm tạo, phát triển dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo và tăng tốc

a) Tiền công lao động trực tiếp: chi phí cho tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện dự án.

b) Chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.

2. Mức hỗ trợ

a) Dự án ở giai đoạn tiền ươm tạo

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 15 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 45 triệu đồng/dự án.

b) Dự án ở giai đoạn ươm tạo

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 225 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 375 triệu đồng/dự án.

c) Dự án ở giai đoạn tăng tốc

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 45 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 75 triệu đồng/dự án.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỖ TRỢ

Điều 9. Trình tự, thủ tục xét, duyệt hồ sơ, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ hỗ trợ tổ chức, cá nhân thông qua tổ chức trung gian

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi

mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 10. Trình tự, thủ tục xét, duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp

1. Việc thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp được thực hiện thành 02 đợt trong năm vào quý II và quý IV hàng năm. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai về thời hạn nhận hồ sơ, việc xét, duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ tại Trung tâm phục vụ hành chính công; Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; Nộp hồ sơ trực tuyến.

3. Thành phần hồ sơ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ theo Mẫu 01.ĐĐN tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

b) Bản sao văn bản công nhận hoặc xác nhận doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

c) Các hồ sơ minh chứng liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ

- Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1 và 2 Điều 7 của Quy định này: Bản sao Hợp đồng thuê sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm kiểm định, giám định, khu làm việc chung hoặc Hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu; chứng từ minh chứng liên quan.

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy định này: Bản sao Quyết định cấp và văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới.

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 7 của Quy định này: Bản sao công bố Tiêu chuẩn cơ sở hoặc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc quốc tế được cơ quan có thẩm quyền đánh giá và áp dụng tại doanh nghiệp; Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn; Danh sách sản phẩm được tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia và chứng từ minh chứng liên quan.

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 5 Điều 7 của Quy định này: Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng, sản phẩm, bản sao Dự án đã được phê duyệt và biên bản nghiệm thu dự án và chứng từ minh chứng liên quan; Báo cáo kết quả hoạt động đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu 02.BCKQ-DN tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 6 Điều 7 của Quy định này: Bản sao hợp đồng, thanh lý hợp đồng, báo cáo việc chứng từ liên quan; bản sao Dự án đã được phê duyệt và biên bản nghiệm thu dự án và chứng từ minh chứng liên quan; Báo cáo kết quả hoạt động đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu 02.BCKQ-DN tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết.

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 7 Điều 7 của Quy định này: Bản sao văn bằng hoặc chứng chỉ đào tạo; chứng từ chi cho đào tạo, huấn luyện chuyên sâu gồm học phí, tài liệu, ăn, ở, đi lại.

- Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 8 Điều 7 của Quy định này: Bản sao hợp đồng hoặc chứng từ và các tài liệu minh chứng kèm theo. Trong đó, đối với sàn thương mại điện tử trong nước: Phí thanh toán, phí cố định và phí dịch vụ người bán phải trả cho sàn thương mại điện tử; đối với sàn thương mại điện tử quốc tế: Phí tài khoản người bán, phí giới thiệu, phí hoàn thiện đơn hàng, phí lưu kho, chi phí đăng ký mã vạch sản phẩm, chi phí thiết kế và chụp ảnh sản phẩm, chi phí quảng cáo trên sàn thương mại điện tử; đối với hỗ trợ tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo: Phí, lệ phí tham gia cuộc thi, ăn, ở tại nước sở tại, đi lại, vận chuyển tài liệu, sản phẩm, trang thiết bị phục vụ tham gia cuộc thi.

4. Trong trường hợp hồ sơ có sai sót hoặc không đầy đủ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho doanh nghiệp bổ sung hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ. Doanh nghiệp có trách nhiệm bổ sung hồ sơ trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 7 và 8 Điều 7 Quy định này: Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ thành phần hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ. Thành phần tổ thẩm định gồm 07 - 09 thành viên, gồm đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố và các chuyên gia. Tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thành lập.

6. Đối với các trường hợp quy định tại khoản 5 và 6 Điều 7 Quy định này, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khảo sát thực tế và thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện và tổ chức đánh giá chuyên sâu trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ. Việc thành lập hội đồng, phương thức, nội dung làm việc, kết quả họp Hội đồng thực hiện theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

7. Căn cứ kết quả thẩm định hoặc đánh giá, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hỗ trợ theo Mẫu 03.QĐHT tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết trong vòng 05 ngày làm việc và chuyển kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp.

PHỤ LỤC

**Biểu mẫu triển khai nhiệm vụ hỗ trợ trực tiếp
cho doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND)

1. Mẫu 01.ĐĐN: Đơn đề nghị hỗ trợ.
2. Mẫu 02.BCKQ-DN: Báo cáo kết quả hoạt động đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp.
3. Mẫu 03.QĐHT: Quyết định hỗ trợ kinh phí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại: Fax: E-mail
4. Người đại diện theo pháp luật:
Họ và tên:
Chức vụ:
5. Mã số doanh nghiệp:
Cấp ngày.....tháng.....năm.....;
Nơi cấp.....
6. Mã số thuế:
7. Ngành nghề đăng ký kinh doanh:
8. Đề nghị xem xét hỗ trợ:
9. Kinh phí đề nghị hỗ trợ:
10. Các nội dung đề nghị hỗ trợ:
11. Các tài liệu kèm theo:

Chúng tôi cam kết các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật và chưa nhận được sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nội dung đề xuất hỗ trợ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

Hải Phòng, ngày tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA
DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO/ĐỔI MỚI
SÁNG TẠO**

I. Thông tin doanh nghiệp:

- Tên, địa chỉ trụ sở:
- Lãnh đạo doanh nghiệp: (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
- Số, ngày cấp, nơi cấp giấy xác nhận/chứng nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/đổi mới sáng tạo:
- Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính:

II. Tổng quan các nội dung đề nghị hỗ trợ và tổng kinh phí đề xuất:

III. Chi tiết các nội dung đề nghị hỗ trợ:

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ 1: (VD: Hỗ trợ chi phí tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ)

- Lý do triển khai hoạt động này, tầm quan trọng của việc triển khai:
- Quá trình triển khai:
- Tổ chức/cá nhân và nội dung ký kết hợp đồng triển khai:
- Tiêu chí đánh giá:
- Kết quả triển khai:
- Sản phẩm đạt được:
- Thời gian thực hiện:
- Kinh phí triển khai:
- Đề xuất hỗ trợ kinh phí và Căn cứ đề xuất hỗ trợ:
- Các tài liệu minh chứng kèm theo.

2. Nội dung đề nghị hỗ trợ 2:

- Lý do triển khai hoạt động này, tầm quan trọng của việc triển khai:
- Quá trình triển khai:
- Tổ chức/cá nhân và nội dung ký kết hợp đồng triển khai:
- Tiêu chí đánh giá:

- Kết quả triển khai:
- Sản phẩm đạt được:
- Thời gian thực hiện:
- Kinh phí triển khai:
- Đề xuất hỗ trợ kinh phí và Căn cứ đề xuất hỗ trợ:
- ...
- Các tài liệu minh chứng kèm theo.

Hải Phòng, ngày.....tháng năm 20...

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SKHCN

Hải Phòng, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp nhỏ và vừa
khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo**

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ

Căn cứ Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngàytháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định phương thức, điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố;

Căn cứ;

Căn cứ biên bản họp ngày của Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ (Giấy công nhận/xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/đổi mới sáng tạo số:..... docấp ngày....tháng...năm....) với tổng kinh phí là.....

Trong đó:

1.

2.

...

Điều 2. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ...

Điều 3. Doanh nghiệp được hỗ trợ chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với những nội dung khai báo trong hồ sơ và quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định.

Điều 4. Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và đổi mới sáng tạo, Chánh Văn phòng Sở, Công ty và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện

Quyết định này, tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của doanh nghiệp sau hỗ trợ, bảo đảm không làm thất thoát, lãng phí ngân sách và trục lợi chính sách.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước KV3, Thuế TP;
- Công TTĐT TP;
- Lưu:

GIÁM ĐỐC